TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 218/2023/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Chị Âu Thị T, sinh năm 1986;
- Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1986.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009 do Ủy ban nhân dân xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 23/12/2009 cho chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 02/10/2010 cho chị Âu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;
- Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/11/2017 cho anh Nguyễn Đức B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: Chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B cùng xác định không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức B mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị Ta và anh Biên được miễn số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) cư trú tại thôn An Thịnh, xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Thuận (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng